

Số: /QĐ-THCS&THPTNK

Đà Nẵng, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi Ngân sách
Quý 3 năm 2025 của Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN KHUYẾN

Căn cứ Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc tiếp nhận nguyên trạng các đơn vị sau khi hợp nhất Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh Quảng Nam và Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 3 năm 2025 của Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan thuộc đơn vị thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Niêm yết công khai, website trường;
- Lưu :VT, VP_{KT}.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Kim Vân

vandtm1-08/10/2025 17:24:34-vandtm1-vandtm1-vandtm1

Trường THCS VÀ THPT
Nguyễn Khuyến
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 10 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 3, NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 3 năm 2025 cụ thể như sau:

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu học phí	0	0	0	0
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu học phí được để lại	0	0	0	0
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0	0	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0

b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.030,820	5.530,014	23,30%	103,23%
I	Nguồn ngân sách trong nước	26.030,820	5.530,014	23,30%	103,23%
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.030,820	5.530,014	23,30%	103,23%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	23.741,239	5.530,764	23,30%	103,23%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.289,581	-0,750	0%	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0

4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0

3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				